

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, các Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 59/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển T.

Có trụ sở tại: số 25 Bis, đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – Chức vụ Giám đốc trung tâm kiêm Trưởng phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Phát triển T. Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định số: 1482/2020/QĐ-TGĐ ngày 08/7/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển T.

Bà Huỳnh Nguyễn Bảo N ủy quyền lại cho ông Đặng Ngọc D – chức vụ: Phó phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Phát triển T và bà Phạm Thị Thư S – Chuyên viên Quan hệ khách hàng – Phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Phát triển T – Chi nhánh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền số: 26/2021/UQ-HDB ngày 26/01/2021.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1984; bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Phúc T và bà Nguyễn Thị Bích P thỏa thuận có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển T tổng số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng là 1.670.419.466đ (một tỷ sáu trăm bảy mươi triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc: 1.469.999.999đ (một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn: 169.798.254đ (một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn: 30.621.213đ (ba mươi triệu sáu trăm hai mươi một nghìn hai trăm mười ba đồng).

2.2. Kể từ ngày 21/9/2021 ông Nguyễn Phúc T và bà Nguyễn Thị Bích P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: 29076/19/MN/HĐTD ngày 08/8/2019; 29077/19/MN/HĐTD ngày 08/8/2019 và 25489/19/MN/HĐTD ngày 19/8/2020 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển T và ông Nguyễn Phúc T, bà Nguyễn Thị Bích P. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3 Trường hợp ông Nguyễn Phúc T và bà Nguyễn Thị Bích P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Phát triển T căn cứ vào Hợp đồng thế chấp số: 23188/19/MN/HĐBD ngày 08/8/2019 và phụ lục hợp đồng số 23188/19/MN/HĐBD/PL1 ngày 08/8/2019 mà các bên đã ký kết có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện D phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng nêu trên để thu hồi toàn các bộ khoản nợ.

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Phúc T và bà Nguyễn Thị Bích P thỏa thuận chịu 31.056.000đ (ba mươi một triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển T số tiền 29.304.000đ (hai mươi chín triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002950 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Thành Luân